

Điều 1 Giải thích từ ngữ

- 1.1. TPBank:** Là Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong.
- 1.2. Khách Hàng:** Là tổ chức mở tài khoản thanh toán/tài khoản thanh toán chung dành cho tổ chức tại TPBank (ngoại trừ Khách Hàng là Đối tác Định chế tài chính) và đáp ứng các điều kiện đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp theo quy định của TPBank.
- 1.3. Giao Dịch Điện Tử:** Là giao dịch giữa Khách Hàng và TPBank trong hoạt động dịch vụ ngân hàng do TPBank cung cấp, được thực hiện thông qua Phương Tiện Điện Tử.
- 1.4. Phương Tiện Điện Tử:** Là phần cứng, thiết bị số, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử hoặc công nghệ tương tự khác.
- 1.5. Thông điệp Dữ Liệu:** Là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng Phương Tiện Điện Tử. Thông điệp Dữ Liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác.
- 1.6. Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp:** Là một dịch vụ ngân hàng trực tuyến tạo điều kiện cho Khách Hàng tổ chức sử dụng hầu hết mọi sản phẩm của TPBank ở bất cứ đâu, vào bất cứ lúc nào thông qua kết nối Internet.
- 1.7. Hệ Thống Ngân Hàng Số Doanh Nghiệp Của TPBank (TPBank Biz/Hệ Thống TPBank Biz):** Là Phương Tiện Điện Tử do TPBank tạo ra, hoạt động trực tuyến nhằm cung cấp các dịch vụ ngân hàng dành cho Khách Hàng tổ chức bằng việc sử dụng công nghệ số và thuật toán điện tử.
- 1.8. User (Người dùng):** Là cá nhân được Khách Hàng ủy quyền bằng văn bản thay mặt cho Khách Hàng trực tiếp thực hiện các yêu cầu sử dụng dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp với TPBank thông qua hệ thống TPBank Biz.
- 1.9. User Nhập:** Là Cá nhân được phân quyền để thực hiện khởi tạo giao dịch trên hệ thống TPBank Biz.
- 1.10. User Duyệt:** Là Cá nhân được phân quyền để thực hiện kiểm soát, phê duyệt giao dịch trên hệ thống TPBank Biz.
- 1.11. User Truy Vấn:** Là Cá nhân được phân quyền chỉ để xem, kiểm tra thông tin giao dịch, tài chứng từ trên hệ thống TPBank Biz.
- 1.12. User Kiểm Nhập Duyệt:** Là Cá nhân được phân quyền để thực hiện khởi tạo và phê duyệt giao dịch trên hệ thống TPBank Biz.
- 1.13. Vai trò Quản Trị Viên:** là nhóm tính năng cho phép User được quyền thực hiện các giao dịch phi tài chính (trừ tính năng làm thay đổi thông tin định danh của Khách hàng tổ chức)
- 1.14. Người Dùng – Người Soạn Thảo Hồ Sơ:** Là User của cá nhân được phân quyền nhập liệu giao dịch tín dụng trực tiếp trên hệ thống, upload hồ sơ và xác thực thông tin nhập liệu/hồ sơ upload bằng PTXT theo đăng ký trong Giao dịch tín dụng.
- 1.15. Người Dùng – Người Ký Đại Diện Khách Hàng:** Là User của cá nhân Đại diện theo pháp luật/Ủy quyền của Đại diện theo pháp luật của Khách hàng được phân quyền trên hệ thống để ký Chữ ký số của Người Có Thẩm Quyền Ký Đại Diện Khách Hàng trong Giao dịch tín dụng.

*Ban hành kèm theo Văn bản số: 05/2025/QT-TPB.CB
Ngày hiệu lực: 01/01/2025*

- 1.16. Người Dùng – Người Ký Kế Toán Trưởng:** Là User của Cá nhân Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán hoặc Người được ủy quyền của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán được phân quyền trên hệ thống để ký Chữ ký số của Người Có Thẩm Quyền Ký Kế toán trưởng của Khách Hàng trong Giao dịch tín dụng
- 1.17. Tài Khoản Đăng Nhập:** Là tài khoản giao dịch điện tử do TPBank cấp bao gồm Tên đăng nhập và Mật khẩu để truy cập vào hệ thống TPBank Biz.
- 1.18. Giao Dịch Trên TPBank Biz (Giao Dịch):** Là các sản phẩm, dịch vụ TPBank cung cấp từng thời kỳ trên hệ thống TPBank Biz, được Khách Hàng (i) khởi tạo, phê duyệt theo đúng Mô hình thực hiện giao dịch đã được đăng ký của Khách Hàng; (ii) xác thực theo PTXT đã đăng ký với TPBank và đang sử dụng tại thời điểm thực hiện thao tác xác thực.
- 1.19. Giao Dịch Hợp Lệ Trên TPBank Biz:** Là các giao dịch thiết lập trên TPBank Biz và:
 - Được phê duyệt theo đúng mô hình thực hiện giao dịch Khách Hàng đã đăng ký với TPBank;
 - Được xác thực bằng PTXT đăng ký;
 - Đầy đủ hồ sơ chứng từ và thông tin cần thiết để thiết lập giao dịch theo quy định của TPBank từng thời kỳ;
 - Tuân thủ quy định của TPBank và pháp luật.
- 1.20. Truy Vấn:** Là dịch vụ TPBank cung cấp cho Khách Hàng để giúp Khách Hàng xem và quản lý thông tin các tài khoản, hợp đồng và các sản phẩm, dịch vụ mà Khách Hàng sử dụng tại TPBank.
- 1.21. Mã khóa bí mật dùng một lần, còn gọi là OTP (One Time Password):** Là mã khóa bí mật 01 lần được sinh ra từ các phương thức xác thực, được sử dụng trong quá trình thực hiện các giao dịch trên TPBank Biz nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật cho tài khoản và giao dịch của Khách Hàng. Mỗi mã khóa bí mật có giá trị sử dụng 1 lần duy nhất.
- 1.22. Xác nhận giao dịch điện tử:** là hình thức xác nhận bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của khách hàng đối với các thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử
- 1.23. Phương Thức Xác Thực:** Là hình thức xác nhận giao dịch điện tử mà TPBank sử dụng để chứng minh danh tính và xác nhận sự chấp thuận thực hiện giao dịch của người sử dụng dịch vụ trên TPBank Biz. Các phương thức xác thực được TPBank sử dụng bao gồm:
 - **OTP-SMS:** là hình thức xác nhận thông qua mã OTP được gửi qua tin nhắn SMS (Short Message Services) hoặc tin nhắn thông qua dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet. Khi thực hiện giao dịch trực tuyến, TPBank sẽ gửi tin nhắn SMS có chứa mã OTP tới số điện thoại di động KH đã đăng ký trước với TPBank. OTP gửi tới khách hàng phải kèm thông tin thông báo để khách hàng nhận biết được mục đích của OTP, và có hiệu lực tối đa 05 phút.
 - **OTP-Email:** là hình thức xác nhận thông qua mã OTP được gửi qua thư điện tử. Khi thực hiện giao dịch trực tuyến, TPBank sẽ gửi thư điện tử

- (email) có chứa mã OTP tới email KH đã đăng ký trước với TPBank. OTP gửi tới khách hàng phải kèm thông tin thông báo để khách hàng nhận biết được mục đích của OTP, và có hiệu lực tối đa 05 phút
- **Soft OTP** là hình thức xác nhận thông qua mã OTP được tạo bởi phần mềm cài đặt trên thiết bị di động của Khách Hàng, phần mềm Soft OTP có thể là phần mềm độc lập hoặc được tích hợp với phần mềm ứng dụng Mobile Banking. Soft OTP phải đáp ứng yêu cầu:
 - + Trường hợp phần mềm Soft OTP độc lập với phần mềm ứng dụng Mobile Banking, phải được đăng ký, quản lý tại kho ứng dụng chính thức của hãng cung cấp hệ điều hành cho thiết bị di động và hướng dẫn cài đặt rõ ràng trên TPBank Biz để khách hàng tải và cài đặt phần mềm Soft OTP;
 - + Phần mềm Soft OTP phải yêu cầu kích hoạt trước khi sử dụng. Mã kích hoạt sử dụng Soft OTP do TPBank cung cấp cho khách hàng và chỉ được sử dụng để kích hoạt trên một thiết bị di động. Mã kích hoạt phải được thiết lập thời hạn hiệu lực sử dụng;
 - + Phần mềm Soft OTP phải có chức năng kiểm soát truy cập. Trường hợp truy cập sai liên tiếp quá 05 lần do đơn vị quy định, phần mềm Soft OTP phải tự động khóa không cho khách hàng sử dụng tiếp; chỉ mở khóa phần mềm Soft OTP khi khách hàng yêu cầu và phải kiểm tra, nhận biết khách hàng trước khi thực hiện mở khóa, bảo đảm chống gian lận, giả mạo.
 - + Trường hợp phần mềm Soft OTP độc lập với phần mềm ứng dụng Mobile Banking phải có chức năng kiểm tra khách hàng cá nhân trước khi cho phép khách hàng sử dụng lần đầu hoặc trước khi khách hàng sử dụng trên thiết bị khác với thiết bị sử dụng lần gần nhất. Việc kiểm tra khách hàng tối thiểu bao gồm: (i) khớp đúng SMS OTP hoặc Voice OTP thông qua số điện thoại đã được khách hàng đăng ký, (ii) và khớp đúng thông tin sinh trắc học của khách hàng;
 - + Mã OTP có hiệu lực tối đa 02 phút
 - **Soft OTP loại nâng cao:** Mã OTP được tạo kết hợp với mã của từng giao dịch, khi thực hiện giao dịch, hệ thống Online Banking tạo ra một mã giao dịch thông báo cho khách hàng hoặc truyền cho phần mềm Soft OTP, khách hàng hoặc phần mềm Soft OTP tự động nhập mã giao dịch vào phần mềm Soft OTP để phần mềm Soft OTP tạo ra mã OTP.
 - + Smart OTP: Theo phạm vi cung cấp Dịch vụ cho Khách Hàng được hiểu là phần mềm cung cấp mã OTP được cài đặt và tích hợp trên ứng dụng TPBank Biz tại thiết bị di động KH đã đăng ký với TPBank và gắn duy nhất với tài khoản đăng nhập eBank của KH. Mã OTP được sinh ngẫu nhiên theo thời gian, đồng bộ với hệ thống giao dịch trực tuyến của TPBank. Khi thực hiện giao dịch trực tuyến, TPBank yêu cầu KH nhập mã OTP được sinh bởi Smart OTP để hoàn thành giao dịch.
 - + eToken: Theo phạm vi cung cấp Dịch vụ cho Khách Hàng được hiểu là phần mềm cung cấp mã OTP được cài đặt trên thiết bị di động KH đã đăng ký với TPBank (áp dụng với trường hợp KH chưa tích hợp Smart OTP) và gắn duy nhất với tài khoản đăng nhập TPBank Biz của KH. Mã OTP được sinh ngẫu nhiên theo thời gian, đồng bộ với hệ thống giao dịch trực tuyến của TPBank. Khi thực hiện giao dịch trực tuyến, TPBank yêu cầu KH nhập mã OTP được sinh bởi eToken để hoàn thành giao dịch.
 - **Token OTP:** là hình thức xác nhận thông qua mã OTP tạo bởi thiết bị chuyên dụng. Token OTP có 02 loại tương ứng với 2 thiết bị sau:
 - + **Hard Token** (Token OTP loại cơ bản): Bao gồm Token key, Token card..., được hiểu là thiết bị tạo mã OTP. Mã OTP được sinh ngẫu nhiên theo thời gian, đồng bộ với hệ thống thanh toán trực tuyến tại TPBank. Khi thực hiện giao dịch trực tuyến, TPBank yêu cầu KH nhập mã OTP được sinh bởi Hard token để hoàn thành giao dịch. Mỗi mã OTP có giá trị trong 1 khoảng thời gian nhất định, và có hiệu lực tối đa 02 phút.
 - + **Hard Token nâng cao** (Token OTP loại nâng cao): Là thiết bị tạo mã OTP. Mã OTP được tạo ra kết hợp với mã của từng giao dịch. Khi thực hiện giao dịch, hệ thống TPBank Biz tạo ra một mã giao dịch thông báo cho Khách Hàng, Khách Hàng nhập mã giao dịch vào Token OTP để thiết bị tạo ra mã OTP. Mỗi mã OTP có giá trị trong 1 khoảng thời gian nhất định, và có hiệu lực tối đa 02 phút.
 - **Sinh trắc học:** là hình thức xác nhận khớp đúng thông tin sinh trắc học bằng việc đối chiếu, so sánh để bảo đảm trùng khớp thông tin sinh trắc học của Khách Hàng đang thực hiện giao dịch với thông tin sinh trắc học của Khách Hàng đã thu thập, lưu trữ tại đơn vị theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và theo quy định của TPBank từng kỳ bằng các hình thức: bằng nhận dạng sinh trắc học của Khách Hàng: (i) khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong chip của thẻ CCCD/Căn cước của Khách Hàng do cơ quan Công an cấp; hoặc (ii) thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của Khách Hàng do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập (tài khoản định danh điện tử, hệ thống định danh và xác thực điện tử theo quy định tại Nghị định 69/2024/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử); hoặc (iii) khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong CSDL sinh trắc học về khách hàng đã thu thập và kiểm tra.
 - **Sinh trắc học thiết bị:** là hình thức xác nhận bằng việc đối chiếu, so sánh để bảo đảm trùng khớp thông tin sinh trắc học của khách hàng đang thực hiện giao dịch với thông tin sinh trắc học của khách hàng đã lưu trữ trên thiết bị di động của khách hàng. TPBank cung cấp các hình thức Sinh trắc học thiết bị bao gồm:
 - + **FaceID:** Là biện pháp xác thực giao dịch, truy cập ứng dụng trên TPBank Biz bằng dấu hiệu nhận dạng sinh trắc học khuôn mặt của khách hàng, khó có khả năng làm giả để xác thực giao dịch.
 - + **TouchID:** Là biện pháp xác thực giao dịch, truy cập ứng dụng trên TPBank Biz dấu hiệu

bằng nhận dạng sinh trắc học vân tay của khách hàng, khó có khả năng làm giả để xác thực giao dịch

- Phương thức xác thực khác được TPBank phát triển từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật

1.24. Chữ Ký Điện Tử: Là chữ ký được tạo lập dưới dạng dữ liệu điện tử gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu để xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể đó đối với thông điệp dữ liệu.

1.25. Khóa Bí Mật: Là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được dùng để tạo Chữ ký số/Chữ ký điện tử.

1.26. Khóa Công Khai: là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được sử dụng để kiểm tra Chữ ký số/Chữ ký điện tử được tạo bởi khóa bí mật tương ứng trong cặp khóa.

1.27. Chứng Từ Điện Tử: Là hợp đồng, đề nghị, thông báo, xác nhận hoặc các tài liệu khác ở dạng Thông điệp Dữ Liệu,, được trao đổi, truyền nhận qua hệ thống TPBank Biz. Chứng Từ điện tử bao gồm Chứng từ giao dịch và Chứng từ đi kèm.

1.28. Chứng Từ Giao Dịch: Là Đề nghị/ Hợp đồng Khách Hàng giao kết với TPBank và/hoặc Văn bản Khách Hàng chỉ thị, cam kết...với TPBank trong quá trình sử dụng sản phẩm/dịch vụ ngân hàng của TPBank.

1.29. Chứng Từ Đi Kèm: Là chứng từ đi kèm theo Chứng từ giao dịch, nhằm chứng minh hoặc đảm bảo cho mục đích lập chứng từ giao dịch của Khách Hàng khi đề nghị sử dụng sản phẩm/dịch vụ của TPBank. Chứng từ đi kèm có thể là bản điện tử có sẵn của Khách Hàng hoặc là bản scan từ bản giấy chứng từ gốc.

1.30. Giao Dịch Tín Dụng trên TPBank Biz (Giao Dịch Tín Dụng): Là các giao dịch đề nghị giải ngân, phát hành/sửa đổi bảo lãnh, phát hành L/C và các giao dịch khác theo quy định của TPBank từng thời kỳ, được thực hiện bằng phương thức Giao Dịch Điện Tử giữa Khách Hàng và TPBank, theo đó Khách Hàng ký và gửi toàn bộ chứng từ điện tử đến TPBank thông qua Phương Tiện Điện Tử là hệ thống TPBank Biz tương đương với việc gửi toàn bộ chứng từ giấy đến TPBank qua kênh quầy và TPBank thực hiện cung cấp dịch vụ cho Khách Hàng căn cứ trên các chứng từ điện tử này.

- Giao Dịch Tín Dụng này chính là giao dịch Chứng từ số được ghi nhận trên Đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ ngân hàng số doanh nghiệp dành cho Khách Hàng tổ chức đã ký giữa TPBank và KH trước Ngày hiệu lực của Điều Kiện và Điều Khoản Ngân Hàng Số này.

- Khách Hàng công nhận giá trị pháp lý của các chứng từ điện tử, giao dịch được thực hiện trên cơ sở các chứng từ điện tử được ký bằng Chữ Ký Số của Người Dùng - Người Ký Đại Diện Khách Hàng và/hoặc Người Dùng - Người Ký Kế Toán Trưởng và chịu trách nhiệm với các giao dịch này. Đồng thời, Khách Hàng đảm bảo việc Chứng Từ Điện Tử chỉ được ký bởi Chữ Ký Số của Người Dùng - Người Ký Đại Diện Khách Hàng và/hoặc Người Dùng - Người Ký Kế Toán Trưởng và không gắn Chữ Ký Số công cộng của Khách Hàng (thay cho con dấu) không trái với quy định nội bộ của Khách Hàng về việc quản lý, sử dụng con dấu của Khách Hàng.

1.31. Bản Gốc: Là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản, được người có thẩm quyền ký Đại diện

Khách Hàng trực tiếp ký chữ ký tươi trên văn bản giấy hoặc ký Chữ Ký Số trên Chứng Từ Điện Tử, Chứng Từ Đi Kèm là thông điệp dữ liệu (bản điện tử) hoặc các hình thức phù hợp với quy định pháp luật từng thời kỳ.

1.32. Bản Chính: Là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản, được tạo từ bản gốc, có chữ ký trực tiếp của Người Ký Đại Diện Khách Hàng trên văn bản giấy.

1.33. Bản Sao Y: Là bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của bản gốc hoặc bản chính, được trình bày theo thể thức và kỹ thuật quy định.

1.34. Bản Sao Y Bản Chính của Khách Hàng:

- Đối với Chứng từ đi kèm của Giao dịch tín dụng: Là bản sao chụp đầy đủ, chính xác nội dung của bản gốc hoặc bản chính, được xác thực đồng ý bằng Chữ ký số đăng ký sử dụng trên TPBank Biz hoặc email đăng ký với TPBank của Người có thẩm quyền ký Đại diện Khách hàng.
- Đối với Chứng từ đi kèm của Giao dịch chuyển tiền quốc tế: Là bản sao chụp đầy đủ, chính xác nội dung của bản gốc hoặc bản chính, được xác thực đồng ý bằng PTXT đăng ký sử dụng trên TPBank Biz hoặc email đăng ký với TPBank của Người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền.

1.35. Hạn Mức Giao Dịch (không bao gồm phí dịch vụ): Là quy định giá trị giao dịch tối đa của mỗi dịch vụ cung cấp trên TPBank Biz.

1.36. Hạn Mức/Lần: Là giá trị giao dịch tối đa được thực hiện cho một lần giao dịch trên TPBank Biz.

1.37. Hạn Mức/Ngày: Là giá trị giao dịch tối đa được thực hiện trong một ngày giao dịch trên TPBank Biz.

1.38. Chuyển Đổi Cài Đặt Trên Hệ Thống Ngân Hàng Số: Là các tính năng trên TPBank Biz theo chính sách của TPBank từng thời kỳ giúp Khách Hàng thực hiện thay đổi thông tin đăng ký Dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp bao gồm nhưng không giới hạn đăng ký Sản phẩm, dịch vụ, phương thức xác thực, mô hình thực hiện giao dịch, thông tin người có thẩm quyền thực hiện giao dịch...

1.39. Điều Kiện và Điều Khoản Ngân Hàng Số: Là Điều kiện và Điều khoản sử dụng dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp này.

Điều 2 Phạm vi cung cấp dịch vụ

2.1. Các dịch vụ cung cấp

- Khách Hàng thực hiện Truy Vấn và Giao dịch trên hệ thống Ngân hàng số Doanh nghiệp của TPBank.
- Truy Vấn được cài đặt mặc định cho Khách Hàng khi đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp.
- Khách Hàng đăng ký để thực hiện Giao dịch theo chính sách của TPBank từng thời kỳ.
- Khách Hàng là Người không cư trú, Tổ chức tín dụng không phải là Đối tác Định chế tài chính chỉ được sử dụng dịch vụ Truy Vấn (ngoại trừ Khách Hàng là Đối tác Định chế Tài chính). Khách Hàng là Đối tác Định chế tài chính, bao gồm Người cư trú và Người không cư trú được phép thực hiện Truy Vấn và Giao dịch Chuyển đổi Ngoại tệ.
- Chi tiết tính năng của từng dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp theo quy định từng thời kỳ của TPBank.

2.2. Các tính năng TPBank cung cấp cho Khách Hàng khi sử dụng dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp của TPBank bao gồm:

- Truy Vấn
- Truy Vấn số dư tài khoản
- Truy Vấn giao dịch tài khoản

- Tài số phụ, phiếu báo nợ có giao dịch
- Truy Vấn/tải Hóa đơn điện tử
- Tra cứu khoản vay, bảo lãnh, L/C, thấu chi, hợp đồng tiền gửi
- b. Giao dịch
 - Gửi/Tất toán tiền gửi trực tuyến
 - Chuyển tiền trong/ngoài hệ thống
 - Chuyển tiền nhanh qua số thẻ
 - Chuyển tiền theo lô/chi lương
 - Chuyển tiền qua CCCD/Hộ chiếu
 - Thanh toán hóa đơn
 - Thanh toán thuế
 - Thanh toán quốc tế
 - Giao dịch tín dụng (Chứng từ số, Giải ngân online, Bảo lãnh online)
 - Dịch vụ thẻ
 - Chuyển đổi ngoại tệ
- c. Các tính năng của dịch vụ Truy Vấn, Giao dịch khác theo quy định của TPBank từng thời kỳ.

2.3. Hạn mức theo Phương thức xác thực:

- Hạn mức liên quan đến Tài khoản sử dụng trên TPBank Biz được Khách Hàng đăng ký nhưng trong mọi trường hợp (bao gồm cả trường hợp Khách Hàng không đăng ký hạn mức) đảm bảo không vượt quá hạn mức đối với từng phương thức xác thực cụ thể theo quy định của TPBank từng thời kỳ. Trường hợp quy định về hạn mức có sự thay đổi, TPBank sẽ thực hiện thông báo tới Khách Hàng bằng hình thức TPBank cho là phù hợp.
- Nếu Khách Hàng có hạn mức theo phương thức xác thực là không giới hạn theo quy định của TPBank, tuy nhiên không đăng ký hạn mức với TPBank trên Đề nghị đăng ký sử dụng dịch vụ thì TPBank mặc định hạn mức liên quan đến Tài khoản sử dụng trên TPBank Biz là 05 tỷ VND/lần và 10 tỷ VND/ngày. Khách Hàng yêu cầu bằng văn bản đến TPBank nếu có nhu cầu thay đổi hạn mức này.

Điều 3 Tài Khoản Đăng Nhập

- 3.1.** Ngoại trừ dịch vụ Truy Vấn và trường hợp được đăng ký mô hình kiểm nhập - duyệt, Khách Hàng sử dụng các dịch vụ và mô hình duyệt còn lại đăng ký tối thiểu 2 Tài Khoản Đăng Nhập tham gia giao dịch và xác thực bằng phương thức xác thực theo đăng ký.
- 3.2.** Các cá nhân được Khách Hàng đăng ký sử dụng Tài Khoản Đăng Nhập để thực hiện Giao dịch tuân thủ nguyên tắc: Mỗi giao dịch của Khách Hàng trên TPBank Biz được thực hiện bởi tối thiểu 01 user nhập và 01 user duyệt. Ngoại trừ trường hợp Khách Hàng là Hộ kinh doanh và Doanh nghiệp siêu nhỏ áp dụng chế độ kế toán đơn giản, với các trường hợp còn lại: user nhập, user duyệt của Khách Hàng phải được đăng ký bởi những cá nhân khác nhau với thông tin, dữ liệu GTTT, số điện thoại, địa chỉ email khác nhau.
- 3.3.** User có trách nhiệm đăng nhập lần đầu bằng tên đăng nhập và mật khẩu theo thông tin TPBank thông báo và phải đổi mật khẩu ngay tại lần đăng nhập đầu tiên để đảm bảo an toàn, bảo mật. User được lựa chọn sử dụng FaceID/TouchID thay cho đăng nhập bằng mật khẩu sau khi đã hoàn thành đăng ký trên App TPBank Biz bằng tên đăng nhập và mật khẩu, xác thực bằng PTXT hiện tại.
- 3.4.** Mỗi mật khẩu cho tên đăng nhập có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm thiết lập mật khẩu. Tài Khoản Đăng Nhập có mật khẩu thiết lập quá 12 tháng, TPBank yêu cầu Khách Hàng hoàn thành yêu cầu đổi mật khẩu theo quy định của TPBank trước khi

thực hiện các thao tác khác bằng Tài Khoản Đăng Nhập trên TPBank Biz.

- 3.5.** Khách Hàng đảm bảo an toàn, bảo mật cho tên đăng nhập, mật khẩu và thiết bị sinh mã xác thực
- 3.6.** Khách Hàng thông báo ngay tới TPBank trong trường hợp có thay đổi thông tin sử dụng Tài Khoản Đăng Nhập hoặc có nghi ngờ lộ mật khẩu; mất, thất lạc, hư hỏng thiết bị tạo OTP, thiết bị lưu trữ thông tin sinh trắc học.
- 3.7.** TPBank sẽ tự động khóa tên đăng nhập, hủy hiệu lực mật khẩu của Khách Hàng sau 05 lần nhập sai mật khẩu liên tiếp hoặc theo quy định của TPBank từng thời kỳ để đảm bảo an toàn cho Tài Khoản Đăng Nhập của Khách Hàng.

Điều 4 Giá trị pháp lý của Thông điệp Dữ Liệu

Các Thông điệp Dữ Liệu trên TPBank Biz, Khách Hàng và TPBank công nhận:

- 4.1.** Đối với Giao dịch Tín Dụng trên TPBank Biz: Thông điệp dữ liệu bao gồm:
- a. Chứng từ giao dịch dưới dạng file .pdf, được gắn Chữ ký số của Người Có Thẩm Quyền Ký Đại Diện Khách Hàng, gửi qua hệ thống TPBank Biz đến TPBank có giá trị pháp lý như bản gốc.
 - b. Chứng từ đi kèm dưới dạng file .pdf / .jpg/ .jpeg/ .png/ .xls/ .xlsx / .doc/ .docx có được từ việc số hoá từ các văn bản, tài liệu bằng giấy, được gắn Chữ ký số của Người Có Thẩm Quyền Ký Đại Diện Khách Hàng, gửi qua hệ thống TPBank Biz đến TPBank có giá trị pháp lý như bản sao y khách hàng.
 - c. Chứng từ đi kèm dưới dạng Chứng từ điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử (như Hóa đơn điện tử, Hợp đồng điện tử..) có giá trị pháp lý như bản gốc.
- 4.2.** Đối với Giao dịch chuyển tiền quốc tế trên TPBank Biz: Thông điệp dữ liệu bao gồm:
- a. Chứng từ giao dịch được Khách Hàng tạo lập trực tiếp trên hệ thống TPBank Biz và xác thực đồng ý bằng PTXT bởi các User của Khách Hàng đăng ký với TPBank có giá trị pháp lý như bản gốc.
 - b. Chứng từ đi kèm dưới dạng file .pdf/ .jpg/ .jpeg/ .png/ .xls / .xlsx / .doc/ .docx có được từ việc số hoá từ các văn bản, tài liệu bằng giấy, được Người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền xác thực đồng ý trên hệ thống TPBank Biz bằng PTXT đăng ký với TPBank có giá trị pháp lý như bản sao y bản chính của Khách Hàng.
- 4.3.** Đối với các giao dịch thực hiện trên TPBank Biz không bao gồm Giao dịch tín dụng và Giao dịch chuyển tiền quốc tế: Thông điệp dữ liệu là Chứng từ giao dịch được Khách Hàng tạo lập trực tiếp trên hệ thống TPBank Biz và xác thực đồng ý bằng PTXT bởi các User của Khách Hàng đăng ký với TPBank có giá trị pháp lý như bản gốc.

Điều 5 Quy định về Chứng từ điện tử

- 5.1.** Các Chứng từ điện tử gửi tới TPBank phải đảm bảo hợp lệ, tuân thủ đúng quy định của TPBank theo từng giao dịch cụ thể.
- 5.2.** Chứng từ điện tử gửi tới TPBank qua hệ thống TPBank Biz, đảm bảo tính an toàn và toàn vẹn dữ liệu của chứng từ.
- 5.3.** Chứng từ điện tử được ký Chữ ký số của Người Dùng – Người Ký Đại Diện Khách Hàng, trong đó thông tin chứng thực Chữ ký số trên Chứng từ điện tử khớp với thông tin Khách Hàng đã đăng ký với TPBank để đảm bảo tính an toàn và toàn vẹn dữ liệu của chứng từ.

- 5.4.** Chữ ký số ký Chứng từ điện tử còn hiệu lực, không bị tạm dừng hoặc thu hồi tại thời điểm ký.
- 5.5.** Nội dung và hình thức của chứng từ điện tử, các điều kiện/yêu cầu giao dịch và các vấn đề khác đáp ứng đúng quy định TPBank đối với từng dịch vụ, nghiệp vụ cụ thể cũng như quy định của pháp luật liên quan đến Giao Dịch Điện Tử, quy định của TPBank tại Điều kiện và điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này.
- 5.6.** Đối với Chứng từ giao dịch của Giao dịch Tín dụng: phải là chứng từ được lập theo mẫu của TPBank theo định dạng file .pdf và được gắn Chữ ký số của Người Dùng – Người Ký Đại Diện Khách Hàng tại đúng vị trí dành cho Đại diện Khách Hàng trên chứng từ mẫu của TPBank được gửi qua hệ thống TPBank Biz đến TPBank. TPBank chỉ chấp nhận Chứng từ giao dịch được gửi lần đầu tiên, không chấp nhận Chứng từ giao dịch gửi vào các lần bổ sung của giao dịch. Trường hợp có thông tin cần sửa đổi trên Chứng từ giao dịch, KH phải hủy giao dịch và tạo lại một giao dịch mới.
- 5.7.** Đối với Chứng từ đi kèm của Giao dịch Tín dụng: phải là bản điện tử có sẵn của Khách Hàng hoặc bản scan từ bản chính/bản gốc bằng giấy theo định dạng file .pdf hoặc các chứng từ dạng /.jpg/.jpeg/.png/.xls/.xlsx /.doc/.docx và được gắn Chữ ký số của Người Dùng – Người Ký Đại Diện Khách Hàng ở trang đầu tiên, phía bên trái của mỗi tệp chứng từ, được gửi qua hệ thống TPBank Biz đến TPBank.
Bản scan từ bản chính/bản gốc bằng giấy phải thể hiện rõ nội dung của bản giấy, bao gồm nội dung văn bản và Chữ ký tươi của các cá nhân có thẩm quyền, con dấu của tổ chức...trong bản scan phải được thể hiện rõ và đầy đủ như trên bản chính/bản gốc bằng giấy. TPBank được yêu cầu KH gửi lại nhiều lần nếu trường hợp Chứng từ điện tử nhận được bị mất, bị nhòe, bị mờ hoặc không nhìn thấy được đầy đủ thông tin để thực hiện giao dịch; hoặc Chữ ký số của Người Dùng – Người Ký Đại Diện Khách Hàng không đảm bảo, phù hợp.
- 5.8.** Việc thay đổi/hủy bỏ Chứng từ điện tử của Khách Hàng gửi tới TPBank được thực hiện theo nguyên tắc được TPBank cho phép.
- 5.9.** Chứng từ đi kèm có thể được gửi bổ sung qua các kênh khác (email, gửi bản giấy đến quầy..) là một phần không tách rời với chứng từ giao dịch và các chứng từ đi kèm khác của một giao dịch trên TPBank Biz, đảm bảo tuân theo đúng quy định về thể thức hồ sơ của TPBank.
- 5.10.** Các chứng từ điện tử trên hệ thống TPBank Biz có giá trị pháp lý ràng buộc Khách Hàng và TPBank. Trường hợp có sự sai khác giữa các chứng từ điện tử trên TPBank Biz và các chứng từ giấy được Khách Hàng cung cấp, chứng từ điện tử trên TPBank Biz vẫn có giá trị ràng buộc nghĩa vụ và trách nhiệm của Khách Hàng và TPBank.
- 5.11.** Khách Hàng có trách nhiệm cung cấp các chứng từ gốc bản giấy để TPBank kiểm tra đối chiếu và/hoặc lưu hồ sơ theo quy định cụ thể tại các Hợp đồng của từng nghiệp vụ cụ thể Khách Hàng ký với TPBank và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước.

Điều 6 Quy định các nghiệp vụ thực hiện qua TPBank Biz

- 6.1.** Thời gian giao dịch: các giao dịch thực hiện qua TPBank Biz có thời gian giao dịch. Thời gian giao dịch trên TPBank Biz được hệ thống TPBank ấn định.

Khách Hàng chỉ có thể thực hiện khi thực hiện trong thời gian giao dịch. Các giao dịch thực hiện ngoài thời gian giao dịch được căn cứ vào từng loại giao dịch để: (i) hệ thống ghi nhận và chuyển sang ngày làm việc tiếp theo hoặc (ii) từ chối thực hiện.

- 6.2.** Toàn bộ giao dịch được thực hiện trên hệ thống TPBank Biz sau khi gửi thành công tới TPBank được coi là ý chí của Khách Hàng, có hiệu lực và có giá trị ràng buộc giữa Khách Hàng và TPBank.
- 6.3.** Các tài liệu, chứng từ, dữ liệu liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ và/hoặc Giao dịch giữa TPBank và Khách Hàng cũng như các số liệu được ghi chép, xác nhận và lưu giữ bởi hệ thống của TPBank sẽ là bằng chứng về việc giao dịch của Khách Hàng với TPBank và có giá trị pháp lý.
- 6.4.** Đối với các giao dịch liên quan đến chuyển tiền quốc tế: Khách Hàng đề nghị TPBank thực hiện yêu cầu chuyển tiền quốc tế theo thông tin tại yêu cầu chuyển tiền thiết lập trên TPBank Biz.
- 6.5.** Các giao dịch liên quan đến ngoại tệ/ quy đổi tỷ giá sẽ được áp dụng tỷ giá (i) tại thời điểm phê duyệt giao dịch hiển thị trên TPBank Biz hoặc (ii) tỷ giá theo giao dịch đã thỏa thuận trước với chi nhánh TPBank còn hiệu lực. TPBank quy định hạn chót để Khách Hàng thực hiện duyệt lệnh kể từ thời điểm nhập liệu theo từng thời kỳ và thông báo công khai tới Khách Hàng.
- 6.6.** Cut-off time là thời gian ngừng tiếp nhận và xử lý giao dịch qua TPBank Biz. Cut-off time đối với mỗi loại giao dịch là khác nhau và tùy thuộc vào từng tính năng, các giao dịch sau cut-off time có thể tiếp tục được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo của TPBank.
- 6.7.** Các giao dịch liên quan đến kiểm tra yêu cầu, kiểm tra hồ sơ, chứng từ để phê duyệt hoặc từ chối yêu cầu, việc tiếp nhận giao dịch hợp lệ qua TPBank Biz của TPBank có nghĩa là TPBank tiếp nhận thông tin, kiểm tra và sẽ thông báo thông tin cụ thể tới Khách Hàng qua các kênh bao gồm nhưng không giới hạn: TPBank Biz, email, điện thoại.
- 6.8.** Các quy định về thực hiện giao dịch giữa Khách Hàng và TPBank sẽ được cập nhật theo quy định của TPBank từng thời kỳ thông qua việc thông báo trên hệ thống/website. Khách Hàng bằng việc thực hiện giao dịch trên hệ thống bằng Tài Khoản Đăng Nhập, thông tin sinh trắc học đã lưu trữ trong kho dữ liệu của ngân hàng, sử dụng phương thức xác thực theo đăng ký phù hợp theo quy định của TPBank, ký Chữ ký số theo đăng ký của Khách Hàng (nếu có) là Khách Hàng xác nhận đồng ý và chịu ràng buộc với các điều kiện điều khoản dịch vụ theo quy định của TPBank mà TPBank không cần thông báo bằng văn bản/hình thức khác cho Khách Hàng.
- 6.9.** Ngôn ngữ sử dụng trên ứng dụng TPBank Biz được hiển thị bằng tiếng Việt hoặc có thể bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt. Nội dung hiển thị bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt phải lấy nội dung hiển thị bằng tiếng Việt làm chuẩn.

Điều 7 : Quyền và trách nhiệm của Khách Hàng

7.1. Quyền của Khách Hàng

- Được sử dụng dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật và điều khoản đăng ký cũng như các thỏa thuận tại Đề nghị đăng ký sử dụng dịch vụ.
- Có quyền yêu cầu ngừng, thay đổi các thông tin đã đăng ký với TPBank sau khi thông báo cho TPBank bằng văn bản theo mẫu hợp lệ của TPBank trước 07 (bảy) ngày làm việc và được TPBank xem xét và chấp thuận.

- c. Có quyền được đề nghị hỗ trợ, giải đáp vướng mắc liên quan đến giao dịch TPBank Biz (nếu có).
- d. Có quyền khiếu nại về các sai sót, vi phạm (nếu có) phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ. Khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi đến các chi nhánh, phòng giao dịch của TPBank hoặc liên hệ tới Call Center theo số hotline 1900 58 58 85 trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch. Quá thời hạn trên, TPBank sẽ không chịu trách nhiệm giải quyết. Trường hợp khiếu nại của Khách Hàng không liên quan đến lỗi của TPBank, Khách Hàng sẽ phải chịu phí phát sinh từ việc xử lý khiếu nại theo quy định của TPBank.
- e. Các quyền khác theo quy định của Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này và các quy định có liên quan của pháp luật.

7.2. Trách nhiệm của Khách Hàng

- a. Đọc Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này. Bằng việc Đề nghị đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng số Doanh nghiệp dành cho Khách Hàng tổ chức, Khách Hàng xác nhận đồng ý và chấp nhận toàn bộ nội dung Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này.
- b. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng khi đăng ký dịch vụ cũng như trong quá trình sử dụng, sửa đổi và chấm dứt dịch vụ.
- c. Thông báo bằng văn bản (theo mẫu của TPBank) khi có thay đổi thông tin về sử dụng dịch vụ tới TPBank.
- d. Chấp nhận và chịu trách nhiệm về sự thay đổi thông tin về chức vụ, số điện thoại, địa chỉ email, thông tin sinh trắc học của Khách Hàng trên TPBank Biz được thực hiện bởi Tài Khoản Đăng Nhập đã đăng ký với Ngân hàng. Các yêu cầu này được xem là phù hợp và TPBank thực hiện cập nhật theo thông tin mới này.
- e. Đối với user là khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân của TPBank thì Khách Hàng, user đồng ý để TPBank thực hiện đồng bộ thông tin user (thông tin sinh trắc học, dữ liệu giấy tờ tùy thân) mà user đã cập nhật với TPBank khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng cá nhân để sử dụng dịch vụ TPBank Biz.
- f. Khách Hàng cam kết người sử dụng Tài Khoản Đăng Nhập vào hệ thống TPBank Biz được ủy quyền toàn bộ trong việc sử dụng các dịch vụ và các tài khoản Khách Hàng đăng ký sử dụng trên hệ thống TPBank Biz của TPBank.
- g. Trường hợp Khách Hàng là Doanh nghiệp siêu nhỏ áp dụng chế độ kế toán đơn giản cam kết nộp các hồ sơ chứng minh việc áp dụng chế độ kế toán đơn giản trong quá trình đăng ký, sử dụng TPBank Biz ngay khi nhận được yêu cầu của TPBank hoặc các cơ quan có thẩm quyền. Khách Hàng cam kết sẽ thông báo cho TPBank ngay khi có thay đổi về chế độ kế toán và các thông tin khác liên quan để điều chỉnh mô hình thực hiện giao dịch trên hệ thống Ngân hàng số Doanh nghiệp phù hợp theo quy định của Pháp luật và TPBank từng thời kỳ. Khách Hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật và TPBank về các cam kết này.
- h. Trường hợp Khách Hàng có nhu cầu thực hiện Chuyển đổi cài đặt trên hệ thống Ngân hàng số Doanh nghiệp theo chính sách của TPBank từng thời kỳ, Khách Hàng cam kết chịu trách nhiệm với toàn bộ các yêu cầu, Giao dịch thực hiện trên hệ thống Ngân hàng số Doanh nghiệp khi thực hiện Chuyển đổi cài đặt trên hệ thống Ngân hàng số Doanh nghiệp.
- i. Khách Hàng cam kết toàn bộ các chứng từ điện tử được gửi đến TPBank từ các tên đăng nhập đã đăng

- ký của Khách Hàng và được ký Chữ ký số của Người dùng – Người ký Đại diện Khách Hàng là ý chí của Khách Hàng, đảm bảo tuân thủ các quy định về thẩm quyền ký kết văn bản của Khách Hàng và có giá trị pháp lý.
- j. Khách Hàng cam kết chỉ cấp Tài Khoản Đăng Nhập cho người đại diện hợp pháp và/hoặc kế toán trưởng và/hoặc những người được ủy quyền hợp pháp để thực hiện các giao dịch Ngân hàng số Doanh nghiệp như đã đăng ký với TPBank. Người được cấp mật khẩu phải có trách nhiệm bảo mật Tài Khoản Đăng Nhập được cung cấp. Do đó mọi giao dịch trên hệ thống TPBank Biz của Khách Hàng gửi cho TPBank được coi là ý chí của Khách Hàng.
- k. Bảo vệ Tài Khoản Đăng Nhập, mã PIN, OTP và không chia sẻ các thiết bị lưu trữ các thông tin này.
- l. Không dùng máy tính công cộng để truy cập, thực hiện giao dịch TPBank Biz; không nên sử dụng mạng WIFI công cộng khi sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến.
- m. Không lưu lại tên đăng nhập và mật khẩu, mã PIN trên các trình duyệt.
- n. Thoát khỏi ứng dụng TPBank Biz khi không sử dụng.
- o. Lựa chọn các phương thức xác thực có mức độ an toàn, bảo mật theo quy định và phù hợp với nhu cầu của Khách Hàng về hạn mức giao dịch.
- p. Không cài đặt các phần mềm sinh mã xác thực (như Smart OTP, eToken) trên cùng một thiết bị nhận OTP SMS và sử dụng các số điện thoại nhận OTP SMS trên cùng 1 thiết bị.
- q. Sử dụng mật khẩu cho phần mềm sinh mã xác thực trên thiết bị di động.
- r. Không sử dụng các thiết bị di động đã bị phá khóa (jailbreak) để tải và sử dụng phần mềm ứng dụng TPBank Biz, phần mềm tạo mã xác thực.
- s. Khách Hàng chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, nội dung thanh toán/yêu cầu đã thực hiện trên hệ thống TPBank Biz và cam kết các nội dung đó đúng với quy định của pháp luật.
- t. Khách Hàng sẽ thông báo ngay cho TPBank nếu phát hiện sai lệch về thông tin, thanh toán, hoặc hiện tượng vi phạm pháp luật trong việc sử dụng hệ thống TPBank Biz. Trong trường hợp này, TPBank cam kết nỗ lực ngăn chặn các giao dịch sai lệch kể từ thời điểm Khách Hàng thông báo nhưng không chịu trách nhiệm với bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh từ các giao dịch sai lệch này.
Trong trường hợp này, TPBank không chịu trách nhiệm đối với những giao dịch đã được thực hiện trước khi TPBank nhận được thông báo của Khách Hàng về sự sai lệch thông tin, thanh toán hay sự vi phạm pháp luật đó.
- u. Đảm bảo số dư trên tài khoản thanh toán/tài khoản thanh toán chung tại TPBank để thực hiện các giao dịch thanh toán và phí phát sinh theo quy định về phí của TPBank từng thời kỳ.
- v. Kịp thời thông báo tới TPBank qua các chi nhánh/phòng giao dịch hoặc đường dây nóng khi:
 - Nghi ngờ hoặc phát hiện việc truy cập dịch vụ trái phép;
 - Nghi ngờ mật khẩu bị lộ cho bên thứ ba;
 - Thiết bị bảo mật, Số điện thoại nhận tin nhắn mã xác thực, thiết bị lưu trữ khóa bảo mật tạo chữ ký điện tử, thiết bị cài đặt phần mềm tạo mã xác thực bị thất lạc, hỏng hoặc bị mất;
 - Bị lừa đảo hoặc nghi ngờ bị lừa đảo, bị tin tặc hoặc nghi ngờ bị tin tặc tấn công;

- Phát hiện giao dịch bất thường, bất kỳ một vấn đề bất thường nào hay các sự cố về mặt nghiệp vụ hoặc kỹ thuật liên quan đến sự an toàn trong hoạt động của hệ thống TPBank Biz.
- w. Có trách nhiệm thường xuyên cập nhật các chương trình diệt virus trên hệ thống máy tính, chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống máy tính của Khách Hàng đáp ứng được các tiêu chí tối thiểu có thể truy cập được dịch vụ. TPBank không chịu trách nhiệm với việc mất dữ liệu, phần mềm, hỏng hóc máy tính của Khách Hàng trong quá trình Khách Hàng sử dụng dịch vụ.
- x. Đảm bảo và thừa nhận các tài liệu, chứng từ, dữ liệu Khách Hàng cung cấp cho TPBank thông qua TPBank Biz là chân thực, hợp pháp, hợp lệ, được ký phát bởi đại diện có thẩm quyền của Khách Hàng và là căn cứ để TPBank thực hiện giao dịch theo yêu cầu của Khách Hàng. Trong trường hợp phát sinh sai sót, không khớp đúng giữa các tài liệu, chứng từ, dữ liệu Khách Hàng cung cấp trên TPBank Biz và hồ sơ bản cứng thì Khách Hàng thừa nhận các tài liệu, chứng từ, dữ liệu cung cấp qua TPBank Biz là các tài liệu, chứng từ, dữ liệu có giá trị pháp lý để thực hiện giao dịch giữa TPBank và Khách Hàng.
- y. Khách Hàng cam kết không chối bỏ, phủ nhận bất kỳ chứng từ điện tử nào gửi qua hệ thống TPBank Biz theo Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này (trừ các trường hợp hủy bỏ giao dịch đã được TPBank chấp nhận), chịu trách nhiệm trước TPBank và pháp luật với các giao dịch/chi thị mà TPBank đã thực hiện trên cơ sở các chứng từ điện tử này.
- z. Khách Hàng chấp nhận bản giấy các chứng từ được in từ chứng từ điện tử trên hệ thống TPBank Biz là chứng từ gốc, có giá trị ràng buộc trách nhiệm của Khách Hàng.
- aa. Khách Hàng cam kết hoàn thiện chứng từ bản giấy đối với các chứng từ điện tử đã và đang thực hiện trong các trường hợp mà TPBank yêu cầu nhằm đảm bảo tính pháp lý, an toàn của chứng từ, giao dịch.
- bb. Trường hợp Khách Hàng đăng ký sử dụng Giao dịch tín dụng trên TPBank Biz, Khách Hàng đảm bảo: (i) Chữ ký số của Người Dùng - Người Ký Đại Diện Khách Hàng và/hoặc Người Dùng - Người Ký Kế Toán Trưởng sử dụng để ký các chứng từ, tài liệu, hồ sơ liên quan đến giao dịch với TPBank là chữ ký số có hiệu lực, (ii) Khi có sự thay đổi về thẩm quyền ký, thay đổi thông tin chữ ký số, Khách Hàng có trách nhiệm thông báo với TPBank và cung cấp hồ sơ thay đổi liên quan. Nếu TPBank không nhận được thông báo từ phía Khách Hàng thì mặc nhiên hiểu rằng các hồ sơ giao dịch được ký bởi Chữ ký số của Người Dùng - Người Ký Đại Diện Khách Hàng và/hoặc Người Dùng - Người Ký Kế Toán Trưởng là phù hợp về thẩm quyền và Khách Hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ điện tử được ký bởi Chữ ký số của những người này.
- cc. Trong quá trình sử dụng dịch vụ trên TPBank Biz, Khách Hàng đồng ý nhận thư điện tử, tin nhắn, cuộc gọi với mục đích quảng cáo, thông báo sản phẩm dịch vụ và/hoặc bất kỳ thông tin nào khác từ TPBank; và đồng ý nhận tin nhắn tin nhắn SMS, tin nhắn thông qua dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, thư điện tử của TPBank gửi cho khách Hàng có nội dung chứa đường dẫn liên kết (Hyperlink) truy cập các trang tin điện tử của TPBank nhằm mục đích cung ứng sản phẩm, dịch vụ của TPBank cho Khách Hàng.
- dd. Không cài đặt các phần mềm lạ, phần mềm không có bản quyền, phần mềm không rõ nguồn gốc.
- ee. Cài đặt đầy đủ các bản vá lỗi hỏng bảo mật của hệ điều hành, phần mềm ứng dụng Mobile Banking; xem xét cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và cập nhật mẫu nhận diện mã độc mới nhất trên thiết bị cá nhân sử dụng để giao dịch.
- ff. Đối với Khách Hàng sử dụng dịch vụ TPBank Biz bằng phương thức xử lý xuyên suốt thông qua các tính năng như Biz Connex, Chuyển tiền B2B/ Chuyển tiền API hoặc các tính năng khác mà TPBank triển khai từng thời kỳ, Khách Hàng phải đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống của TPBank. TPBank có quyền từ chối, tạm dừng, dừng cung cấp dịch vụ TPBank Biz bằng phương thức xử lý xuyên suốt nếu TPBank phát hiện, nhận thấy có dấu hiệu hệ thống của KH không đảm bảo an toàn, bảo mật tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình cung cấp dịch vụ cho Khách Hàng. Phương thức xử lý xuyên suốt được đề cập tại điều khoản này được hiểu là phương thức trao đổi thông tin, dữ liệu, tài liệu hai chiều tự động, thông qua kết nối an toàn giữa hệ thống thông tin của Khách Hàng với hệ thống TPBank Biz.

Điều 8 Quyền và trách nhiệm của TPBank

8.1. Quyền của TPBank

- a. Từ chối/ tạm khóa/ chấm dứt cung cấp dịch vụ hoặc từ chối thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của Khách Hàng khi xảy ra một trong những trường hợp sau:
 - Khách Hàng không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khi thực hiện dịch vụ thanh toán theo quy định của TPBank, quy định của pháp luật hoặc vi phạm các thỏa thuận giữa TPBank với Khách Hàng;
 - Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền; phòng, chống khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
 - Khách Hàng thuộc danh sách có nghi ngờ/danh sách đen/danh sách cảnh báo liên quan đến giao dịch gian lận, lừa đảo, rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, vi phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
 - Lệnh thanh toán không hợp pháp, hợp lệ theo đánh giá của TPBank hoặc quy định pháp luật;
 - Khách Hàng không thực hiện đầy đủ yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại TPBank;
 - Tài khoản thanh toán không đủ số dư;
 - Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - TPBank nghi ngờ các giao dịch yêu cầu tại Chứng từ điện tử là vi phạm pháp luật;
 - Bổ sung Chứng từ điện tử không đúng thời gian cam kết;
 - Chữ ký số ký trên chứng từ không khớp đúng với thông tin Khách Hàng đăng ký với TPBank; Chữ ký số, chứng thư số không có giá trị, hết hiệu lực.
 - Bất kỳ trường nào nằm ngoài khả năng kiểm soát của TPBank hoặc TPBank phát hiện có yếu tố rủi ro hoặc để quản lý rủi ro;
 - Khi lợi ích của TPBank/ Khách Hàng/ Bên thứ ba có thể bị tổn hại, rủi ro hoặc có gian lận;
 - Khách Hàng không thực hiện đúng các yêu cầu hay vi phạm nội dung Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này hoặc các yêu cầu khác từ hệ thống của TPBank;
 - Trường hợp Ngân hàng tạm ngưng dịch vụ để bảo trì.

- b. Được tự động trích tiền từ tài khoản thanh toán/tài khoản thanh toán chung của Khách Hàng để thu phí dịch vụ sau khi đã cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của Khách Hàng theo biểu phí ban hành hoặc theo thỏa thuận cụ thể.
- c. TPBank được quyền sử dụng thông tin của Khách hàng trong các hoạt động ngân hàng và được quyền cung cấp thông tin khách hàng, giao dịch của Khách hàng cho bên thứ ba (bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng được thành lập hợp pháp và ký kết hợp đồng với TPBank, tổ chức, cá nhân khác trong quá trình TPBank cung cấp dịch vụ cho Khách hàng) phù hợp với quy định pháp luật.
- d. Các quyền khác theo Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này và quy định của pháp luật.

8.2. Trách nhiệm của TPBank

- a. Cung cấp dịch vụ TPBank Biz theo đúng nội dung của Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này; tuân thủ các quy định về cung cấp dịch vụ ngân hàng trên internet, qua phương thức điện tử của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.
- b. TPBank thông báo cho Khách Hàng trên môi trường điện tử về bằng chứng giao dịch thanh toán thực hiện bằng phương tiện điện tử đúng theo quy định của TPBank, trong đó tối thiểu nêu rõ số tham chiếu giao dịch, ngày giao dịch, số tiền giao dịch. Hình thức thông báo qua tin nhắn SMS hoặc thư điện tử hoặc kênh thông báo khác do TPBank quản lý và quy định từng thời kỳ.
- c. Trong trường hợp Khách Hàng muốn thu hồi, hủy bỏ hoặc sửa đổi giao dịch đã được TPBank xử lý, TPBank sẽ nỗ lực hỗ trợ Khách Hàng thu hồi hủy bỏ, hoặc sửa đổi các giao dịch này. Tuy nhiên, TPBank không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại/trách nhiệm nào phát sinh bởi việc không sửa đổi hay không hủy bỏ được các lệnh TPBank đã xử lý chính xác và theo đúng quy trình xác định.
- d. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ cho Khách Hàng sau khi nhận được thông báo của Khách Hàng về việc thiết bị sinh mã xác thực bị thất lạc, mất cắp hoặc lộ mật khẩu.
- e. Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Khách Hàng liên quan đến việc sử dụng dịch vụ. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Khách Hàng trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được yêu cầu tra soát, khiếu nại của Khách Hàng.
- f. Cam kết khả năng bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống TPBank Biz. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình huống, kịch bản bảo đảm hoạt động liên tục cho hệ thống TPBank Biz của TPBank từng thời kỳ, TPBank sẽ đưa ra thời gian gián đoạn cung cấp dịch vụ trong một lần, tổng thời gian gián đoạn cung cấp dịch vụ trong một năm (không áp dụng với trường hợp bất khả kháng hoặc bảo trì, nâng cấp hệ thống đã được TPBank thông báo) và thông báo tại website chính thức của TPBank, ứng dụng TPBank Biz hoặc các kênh thông tin khác tới Khách Hàng. Thời gian gián đoạn nêu trên là ước tính dựa trên các tình huống giả định mà TPBank xây dựng, thời gian gián đoạn thực tế có thể có khác biệt phụ thuộc vào tình huống xảy ra, khi đó TPBank sẽ có thông báo cụ thể tới Khách Hàng.
- g. TPBank không có trách nhiệm với những thiệt hại do nguyên nhân vượt quá phạm vi kiểm soát của TPBank dẫn đến sự không thể thực hiện được dịch vụ bao gồm, nhưng không giới hạn: các nguyên nhân sự cố kỹ thuật, phá hoại, động đất, thiên tai, đứt nghẽn mạng, mất điện, nguyên nhân do lỗi của Khách Hàng.

- h. Bảo mật thông tin cá nhân của Khách Hàng; không bán, tiết lộ, rò rỉ các thông tin của Khách Hàng.
- i. Các trách nhiệm khác theo Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 9 Giao dịch không hủy ngang và miễn trách

9.1. Bất kỳ giao dịch TPBank Biz nào đã được thực hiện sẽ được TPBank coi là có giá trị và không hủy ngang. Các giao dịch thực hiện bằng Tài Khoản Đăng Nhập, thông tin sinh trắc học, Phương Thức Xác Thực của Khách Hàng được Khách Hàng cam kết, chấp nhận là giao dịch do Khách Hàng là Bên duy nhất thực hiện và không thể đổ lỗi cho bên thứ ba nào khác.

9.2. Khách Hàng không thể hủy, thay đổi, phủ nhận, thoái thác bất kỳ giao dịch nào đã được thực hiện trên TPBank Biz bằng Tài Khoản Đăng Nhập của các User của Khách Hàng. Trường hợp Khách Hàng muốn hủy yêu cầu thực hiện giao dịch, TPBank chỉ xem xét với điều kiện:

- Yêu cầu hủy giao dịch được gửi đến TPBank ngay lập tức sau khi Khách Hàng thực hiện giao dịch, và
- TPBank chưa ghi nhận và/hoặc chưa xử lý giao dịch trên hệ thống của mình theo yêu cầu của Khách Hàng, và
- Việc hủy giao dịch không ảnh hưởng đến lợi ích của TPBank cũng như lợi ích của bất kỳ một bên thứ ba nào khác.

9.3. TPBank được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau:

- Rủi ro xảy ra do Khách Hàng không thực hiện theo đúng quy định sản phẩm được nêu tại bản Điều kiện và Điều khoản này.
- Các trường hợp Khách Hàng bị gian lận/giả mạo/chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép tên đăng nhập/mật khẩu truy cập của các user nhập/duyệt/Truy Vấn/kiểm Nhập-Duyệt, Chữ ký số mà Khách Hàng đăng ký với TPBank.
- Các trường hợp Khách Hàng thay đổi các chức danh Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán, Người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản, Người Ký Đại Diện Khách Hàng, thay đổi thông tin cá nhân của các User (số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu, địa chỉ email, số điện thoại, thông tin sinh trắc học ...) mà không thông báo và cung cấp hồ sơ thay đổi liên quan cho TPBank.
- Hệ thống mạng, đường truyền của TPBank (không do lỗi trực tiếp từ TPBank), do bên thứ ba cung cấp không đảm bảo chất lượng (hệ thống kết nối bị đứt, chậm trễ, hỏng...).
- Thiên tai, rủi ro chính trị, cháy nổ... làm cắt đứt liên lạc giữa hai Bên.
- Yêu cầu, chỉ thị, quy định... của chính phủ và các cơ quan nhà nước đối với dịch vụ TPBank Biz
- Các trường hợp khác nằm ngoài khả năng kiểm soát của TPBank.

Điều 10 Bàn quyền và bảo mật

10.1. Hệ thống TPBank Biz dành cho Khách Hàng doanh nghiệp của TPBank và các ấn phẩm đi kèm thuộc bản quyền của TPBank. Mọi sự sao chép, thay đổi, sửa chữa mà không được sự cho phép của TPBank đều coi là vi phạm pháp luật.

10.2. Mỗi bên cam kết tuân thủ đúng nội dung tại *Điều kiện điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân (dành cho tổ chức, doanh nghiệp)* của Ngân hàng TMCP Tiên Phong được công bố trên website www.tpb.vn

10.3. Mỗi Bên cam kết, trong quá trình thực hiện Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp này,

sẽ giữ bí mật các thông tin do Bên kia cung cấp và chỉ được cung cấp thông tin cho bên thứ ba khi được phép của Bên cung cấp thông tin hay theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- 10.4.** Mỗi Bên cam kết sẽ không sử dụng các thông tin mà Bên kia cung cấp nhằm mục đích cạnh tranh với Bên cung cấp thông tin.

Điều 11 Sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung Điều kiện và Điều khoản Ngân hàng số Doanh nghiệp

- 11.1.** TPBank được phép sửa đổi nội dung hoặc thay thế Điều kiện điều khoản này vào bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cho là phù hợp.

- 11.2.** TPBank sẽ thực hiện thông báo các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế cho Khách Hàng bằng một trong các hình thức bao gồm: văn bản, email, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, thông báo trên website chính thức của TPBank hoặc các kênh khác do TPBank quản lý. TPBank được toàn quyền quyết định hình thức thông báo đến Khách Hàng.

- 11.3.** Nếu Khách Hàng tiếp tục đăng nhập hệ thống để sử dụng dịch vụ sau thời điểm TPBank thông báo được hiểu là Khách Hàng chấp nhận toàn bộ các sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều kiện Điều khoản này của TPBank.

Điều 12 Giải quyết tranh chấp

- 12.1.** Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến việc sử dụng dịch vụ thì Khách Hàng và TPBank trước hết sẽ cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp hòa giải không thành, các bên có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam giải quyết.